

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2019/DS-PT

Ngày 29/3/2019

V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Phạm Kim Cúa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLPT-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “Đòi lại tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2018/DS-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2019/QĐPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị La Trần Tuyết V, sinh năm 1991

Địa chỉ: 259 ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Ngọc P- Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Ông Ngô Văn B, sinh năm 1972

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Văn M (Nguyễn Minh H), sinh năm 1965 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. La Thiên U, sinh năm 2017

Người đại diện theo pháp luật: Chị La Trần Tuyết V, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: 259 ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị La Trần Tuyết V

- Người làm chứng do bị đơn triệu tập: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị V, ông P, ông B, bà L có mặt tại phiên tòa

Ông M(H), bà H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị La Trần Tuyết V trình bày:

Mẹ chồng chị là bà Ngô Thị H1 cùng chồng của chị là anh Mai Ly K bảo chị rút tiền tiết kiệm để hùn vốn nuôi sò với cậu tư là ông Ngô Văn B. Vợ chồng chị thì bỏ vốn, còn bà H1 thì có đất, ông B thì bỏ công chăm sóc, nếu lỗ thì vợ chồng chị chịu, còn lãi thì chia đôi.

Vào ngày 24/6/2016 âm lịch, chị đã giao cho ông B tổng số tiền là 137.500.000 đồng để hùn vốn nuôi sò nhưng đến nay ông B, bà H1 không trả lại số vốn 137.500.000 đồng cho chị. Nay chị yêu cầu ông B, bà H1 phải liên đới trả cho chị số tiền 137.500.000 đồng.

Ngày 12/11/2018 chị La Trần Tuyết V sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chị V rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Ngô Thị H1 với tư cách là bị đơn.
- Việc hùn vốn nuôi sò với ông B vào năm 2016 âm lịch thì thời gian này chị và anh Mai Ly K còn là vợ chồng nên số tiền thu hoạch sò 91.000.000 đồng mà ông B đã khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị V xác định đây là tài sản chung giữa chị và anh Mai Ly K. Do đó, chị xác định phần tài sản của chị trong khối tài sản chung với anh K là 45.500.000 đồng.

Ngày 26/10/2017 chị và anh K thuận tình ly hôn.

Ngày 13/12/2017 anh K chết. Do đó, chị xác định con chung của chị và anh K là cháu La Thiên U được hưởng thừa kế từ anh K với kỷ phần là 15.166.000 đồng.

Vì vậy, chị V yêu cầu ông B phải trả cho chị số tiền tổng cộng là 45.500.000 đồng + 15.166.000 đồng = 60.666.000 đồng

Theo bị đơn ông Ngô Văn B trình bày:

Ông thừa nhận năm 2016 giữa ông và anh Mai Ly K có thỏa thuận hùn vốn nuôi sò và nội dung thỏa thuận đúng như chị V đã khai.

Khi thỏa thuận xong thì tháng 6/2016 âm lịch, ông là người nhận số tiền 3.500.000 đồng tại trại tôm của mẹ ruột chị V, khoảng 10 ngày sau thì anh Mai Ly K giao tiếp cho ông số tiền 111.500.000 đồng. Tổng số tiền ông đã nhận để nuôi sò 2 lần là 115.000.000 đồng cho vụ nuôi tháng 6/2016 âm lịch.

Đối với vụ nuôi sò tháng 6/2016 âm lịch thì đến ngày 26/9/2017 âm lịch thu hoạch sò được 01 tấn 300kg, bán 70.000 đồng/kg được 91.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này do người mua sò là bà Ngô Thị L đã trả đầy đủ cho anh Mai Ly K ngay ngày thu hoạch sò.

Vì vậy, chị La Trần Tuyết V yêu cầu ông trả lại số tiền hùn nuôi sò là 60.666.000 đồng thì ông không đồng ý.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H1 trình bày:

Bà hoàn toàn không có liên quan gì đến việc ông Ngô Văn B và anh Mai Ly K hùn vốn nuôi sò.

Trong vụ án này bà chưa có yêu cầu gì đối với di sản của anh Mai Ly K chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn M (Nguyễn Minh H) có đơn xin vắng mặt ngày 10/10/2018 có nội dung xin vắng mặt tất cả các phiên hòa giải, xét xử. Do ông H không đến Tòa án nên không có lời khai của ông H trong hồ sơ vụ án.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2018/DS-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Áp dụng Điều 91, 227, 244 463, 466 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Trần Tuyết V đối với ông Ngô Văn B về việc kiện đòi tài sản.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị La Trần Tuyết V phải chịu 2.275.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.437.500 đồng theo biên lai thu số 0006261 ngày 13/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Chị V được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.162.500 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/12/2018, nguyên đơn chị La Trần Tuyết V kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2018/DS-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Theo đơn kháng cáo, chị La Trần Tuyết V cho rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, ông B thừa nhận giữa ông và anh Mai Ly K có hùn nuôi sò. Anh K đưa cho ông B số tiền 115.000.000 đồng và nhận của chị V số tiền 3.500.000 đồng để mua máy bơm bùn. Tại bản tự khai của anh K cũng thể hiện nội dung hùn số tiền 115.000.000 đồng là tài sản chung của chị và anh K đưa cho ông B nuôi sò nên có cơ sở xác định việc hùn nuôi sò giữa ông B với anh K là có thật. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2018, ông B thừa nhận khai thác sò vào tháng 7/2016 được 1.300kg với giá 70.000 đồng/kg thành tiền 91.000.000 đồng, ông đã giao cho anh K ngay lúc thu hoạch sò. Tuy nhiên, ông B không có chứng cứ gì chứng minh việc ông giao tiền cho anh K. Tại bản tự khai anh K xác định việc nuôi sò chưa thu hoạch. Hơn nữa, lúc thì ông B khai ông là người đưa tiền cho anh K, lúc thì khai bà L là người giao tiền cho anh K và cũng không thống nhất về thời gian thu hoạch sò (lúc thì tháng 7/2016, lúc thì 26/9/2016 âm lịch). Do đó, có đủ căn cứ xác định ông B chưa giao tiền thu hoạch cho anh K, ông B còn đang giữ số tiền này.

Trong khoảng thời gian này, chị và anh K còn là vợ chồng nên số tiền thu hoạch sò là tài sản chung của chị và anh K. Do đó, chị yêu cầu ông B trả cho chị số tiền 45.500.000 đồng là có cơ sở để xem xét.

Đối với yêu cầu ông B trả lại số tiền 15.166.000 đồng là kỷ phần thừa kế của cháu La Thiên U (con chung của chị và anh K), án sơ thẩm cho rằng đây là quan hệ tranh chấp chia di sản thừa kế trong khi vụ án đang giải quyết là kiện đòi tài sản nên không chấp nhận yêu cầu này của chị là không phù hợp.

Chị V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, buộc ông Ngô Văn B trả lại cho chị số tiền 60.666.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, buộc ông Ngô Văn B trả lại cho chị V số tiền 60.666.000 đồng.

Bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn chị La Trần Tuyết V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn M(Nguyễn Minh H) có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Văn M.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị H1.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn chị La Trần Tuyết V nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc ông B trả số tiền 45.500.000 đồng: Ông B thừa nhận có hợp đồng hùn nuôi sò với anh Mai Ly K vào tháng 6/2016 âm lịch. Ngày 26/9/2017 âm lịch, ông B đã thu hoạch sò được 91.000.000 đồng, chứng cứ ông B xác định là do bà Ngô Thị L là chủ mua sò giao trực tiếp cho anh K tiền bán sò. Sự việc này được bà L công nhận là đúng và chị V cũng xác định bà L là người mua sò.

Từ khi giao kết hợp đồng hùn vốn nuôi sò thì ông B là người giao dịch trực tiếp với anh K và tại thời điểm thực hiện hợp đồng thì chị V và anh K đang tồn tại quan hệ vợ chồng hợp pháp nên khi thu hoạch sò thì anh K đã nhận tiền thu hoạch sò, khi đó ông B khai không biết giữa chị V và anh K đã ly hôn nên bà L giao tiền cho anh K là hợp lý. Chị V kiện đòi ông B phải trả số tiền là 45.500.000 đồng là 1/2 số tiền thu hoạch sò 91.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ nào khác để chứng minh là ông B đã thu hoạch sò nhưng chưa giao tiền cho anh K. Do đó, không có căn cứ để xác định số tiền thu hoạch sò 91.000.000 đồng là tài sản chung của chị V và anh K. Ngoài ra, trước đây khi ly hôn với anh K thì giữa chị V và anh K đã có lập “Tờ thỏa thuận phân chia tài

sản chung khi ly hôn” đề ngày 28/9/2017 trong đó thể hiện chị V và anh K đã thống nhất anh K để lại toàn bộ tài sản chung cho chị V; tài sản chung hai bên đã thỏa thuận xong, ngoài ra không còn tài sản gì khác. Mặt khác, trong thời gian thu hoạch sò thì anh K và chị V chưa ly hôn. Vì vậy, việc chị V kiện đòi ông B phải trả số tiền là 45.500.000 đồng là không có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc ông B trả lại số tiền 15.166.000 đồng là kỷ phần thừa kế của cháu La Thiên U (con chung của chị và anh K) nhận thấy: Vụ kiện mà Tòa án đang thụ lý giải quyết là tranh chấp kiện đòi tài sản, không phải tranh chấp chia di sản thừa kế. Do đó, việc chị V yêu cầu ông B trả lại số tiền 15.166.000 đồng là kỷ phần thừa kế của cháu La Thiên U được thừa kế từ anh Mai Ly K là một yêu cầu ngoài phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Đây là yêu cầu mới, chưa đưa ra trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên không thể xem xét trong cùng vụ án này.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn chị La Trần Tuyết V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị La Trần Tuyết V

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2018/DS-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 91, 227, 244 463, 466 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Trần Tuyết V đối với ông Ngô Văn B về việc kiện đòi tài sản.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị La Trần Tuyết V phải chịu 2.275.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.437.500 đồng theo biên lai thu số 0006261 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị V được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.162.500 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị La Trần Tuyết V phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu số 0021038 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị V đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện B;
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện B;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương